

Bản án số: 32/2018/HSST

Ngày: 08-02-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Toàn

2. Ông Nguyễn Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2018/HSST ngày 15 tháng 01 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXX–HSST ngày 22 tháng 01 năm 2018, đối với bị cáo:

B, sinh năm 1998 tại Quảng Ngãi; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã PT, huyện ĐP, tỉnh Quảng Ngãi; nơi ở khi bị bắt: ấp PT, xã PT, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; dân tộc: Kinh; trình độ văn hóa: 06/12; nghề nghiệp: làm biển; con ông H, sinh năm 1974 và bà C, sinh năm 1971; vợ tên H; có 01 con sinh ngày 25/7/2016; tiền án, tiền sự: không; bị bắt ngày 17/10/2017. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố T (có mặt).

Bị hại: Chị H, sinh năm 1976; Địa chỉ: đường BM, phường MM, thành phố T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh L, sinh năm 1994; Địa chỉ: đường BM, phường MM, thành phố T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ ngày 16/10/2017, sau khi làm xong việc tại Cảng CL, đường BM, phường MM, thành phố VT, B đi ra bãi gửi xe tại khu vực Cảng do bà H trông

coi quản lý để lấy chiếc xe mô tô hiệu Airblade biển số 76H1-028.37 mà H (không rõ lai lịch) cho B mượn để sử dụng trong thời gian H đi biển. Tại đây, B phát hiện chiếc xe mô tô hiệu Exciter biển số 68B1-265.89 của anh L dựng gần xe Airblade biển số 76H1-028.37. Lợi dụng việc B thường gửi xe tại đây nên quản lý bãi xe không đưa thẻ xe, B đã nảy sinh trộm cắp. B đi đến dẫn chiếc xe Exciter ra khỏi bãi gửi xe, đạp nổ máy đi về phòng trọ ấp PT, xã PT, huyện Đ cất giấu. Ngày 17/10/2017, B bị Cơ quan điều tra Công an thành phố T bắt giữ và thu giữ chiếc xe máy B trộm được cùng với chiếc xe máy Airblade biển số 76H1-028.37. Tại cơ quan điều tra, B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Theo Biên bản xác định giá trị tài sản số 223/BB-PTCKH ngày 25/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố T xác định giá trị chiếc xe mô tô biển số 68B1-265.89 giá trị 45.500.000đồng.

Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại chiếc xe mô tô hiệu Exciter biển số 68B1-265.89 cho chị H, chị H nhận lại tài sản và đã giao trả cho anh L. Chị H, anh L không yêu cầu gì thêm.

Đối với chiếc xe hiệu Airblade biển số 76H1-028.37 đã bị tẩy xóa số khung, số máy, CQĐT tiếp tục tạm giữ và tách ra điều tra làm rõ, xử lý sau theo quy định của pháp luật.

Bản cáo trạng số 10/CT-VKS ngày 08/01/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân Tp.T, đã truy tố bị cáo B về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ Luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Bị cáo B đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên. Bị cáo đã thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn hối hận, đồng thời trình bày hoàn cảnh khó khăn, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo B về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; đề nghị xử phạt bị cáo B từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) đến 30 (ba mươi) tháng; xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an thành phố T đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị hại chị H chiếc xe mô tô hiệu Exciter biển số 68B1-265.89, chị H nhận lại tài sản và đã giao trả cho anh L. Chị H, anh L không yêu cầu gì nên không đề xuất thêm.

Đối với chiếc xe hiệu Airblade biển số 76H1-028.37 đã bị tẩy xóa số khung, số máy, CQĐT tách ra để tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý sau theo quy định của pháp luật là phù hợp nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Không ai có yêu cầu gì nên không đề nghị giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo với các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Vào khoảng 12 giờ ngày 16/10/2017, tại bãi giữ xe khu vực cảng CL, đường BM, phường MM, thành phố T, B có hành vi lén lút lấy trộm chiếc xe mô tô hiệu Exciter biển số 68B1-265.89 của chị H là người có trách nhiệm trông coi và chịu trách nhiệm về xe cho anh L là người gửi, giữ. Giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 45.500.000 đồng. Hành vi bị cáo thực hiện đủ dấu hiệu cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ đối với hành vi phạm tội của bị cáo: xét hành vi phạm tội bị cáo chẳng những đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương và xã hội. Vì vậy, cần phải xử lý và áp dụng mức hình phạt phù hợp tương xứng với tính chất, mức độ đối với hành vi phạm tội nhằm giáo dục riêng bị cáo, đồng thời bảo đảm răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, hoàn cảnh bị cáo rất khó khăn, sống xa gia đình và tự mưu sinh rất sớm, bị cáo mới bước qua tuổi vị thành niên đã có gia đình riêng, vợ không có việc làm, con còn nhỏ, là lao động duy nhất. Bị hại có đơn đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt nên áp dụng mức hình phạt phù hợp và không cần cách ly cũng đủ mức răn đe đối với bị cáo, đồng thời để bị cáo nhận thức được sự khoan hồng của pháp luật mà chấp hành, cải tạo tốt.

[5] Về trách nhiệm dân sự: đã trả xe cho chị H, chị H đã giao xe cho anh L, không ai có ý kiến yêu cầu gì nên không xem xét thêm.

[6] Vật chứng: Đối với chiếc xe hiệu Airblade biển số 76H1-028.37 đã bị tẩy xóa số khung, số máy, nên CQĐT tách ra để tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau theo quy định của pháp luật là phù hợp nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999. Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo B **12 (mười hai) tháng tù**, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **24 (hai mươi bốn) tháng** tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã PT, huyện ĐP, tỉnh Quảng Ngãi phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Do bị cáo đang bị tạm giam nhưng được hưởng án treo nên Tuyên trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện khai báo theo qui định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

3. Xử lý vật chứng: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bị cáo B phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND Tp. Vũng Tàu;
- Công An Tp. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS Tp. Vũng Tàu;
- Bị cáo, người liên quan.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

1.